

Bản án số: **21** /2018/HS-ST

Ngày: 26-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Quốc Đoạt** – Phó Trưởng ban Thanh thiếu niên trường học tỉnh Đoàn tỉnh Đồng Tháp.

Ông **Võ Khắc Duy** – Phó Chánh Thanh tra Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Vũ Tràng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng P (Đ), sinh ngày 02/3/2001; tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1975 và bà Võ Thị Kim A, sinh năm 1979; Có 03 anh, chị em; Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 08/3/2018; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

*** Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng P:**

1. Nguyễn Thành L, sinh năm 1975 (có mặt);

2. Võ Thị Kim A, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

** Người bào chữa cho bị cáo P theo luật định:* Luật sư Huỳnh Hoa Thanh - Văn phòng Luật sư Xuân Hương, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

** Bị hại:* Kiều Thị Ngọc T (N), sinh ngày 10/12/2004 (có mặt);

** Đại diện hợp pháp của bị hại Kiều Thị Ngọc T:*

Kiều Thị Đ, sinh năm 1975 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Kiều Thị Ngọc T theo luật định:* Bà Trần Hồng Trinh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

** Người làm chứng:*

1. Lê Thị T1, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Thị B, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

3. Dương Ngọc T2, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4. Lê Minh K, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 1xx, đường Đ, phường 26, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

5. Phan Trung T3, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Đại diện theo pháp luật của T3 là: Phan Thành L1 (L), sinh năm 1972 (cha ruột T3, vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 23xx, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Thị H, sinh năm 1943 (vắng mặt);

Nơi cư trú: M1xx khu phố 5, phường T, TP. B, Đồng Nai.

8. Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1968 (vắng mặt);
Nơi cư trú: Số 54xx ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/3/2001 đang học lớp 8, Kiều Thị Ngọc T, sinh ngày 10/12/2004 có giấy chứng sinh, đang học lớp 6 trường trung học cơ sở Đ, huyện L. Hai người quen biết nhau qua mạng xã hội facebook nảy sinh tình cảm yêu thương nhau. Từ ngày 30/4/2016 đến ngày 30/7/2017, Nguyễn Hoàng P đã nhiều lần rủ Kiều Thị Ngọc T đi chơi chung và đã thực hiện 21 lần giao cấu với Ngọc T, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 30/4 và 01/5/2016 nhằm ngày thứ bảy và chủ nhật, trường trung học cơ sở Đ cho học sinh nghỉ bù ngày thứ hai 02/5/2016. Khoảng 17 giờ ngày 30/4/2016, P điện thoại rủ T đi chơi thì T đồng ý. P điều khiển xe mô tô hiệu Wave 50 biển số VA-003.xx đến nhà chờ T đi đến bờ kè thị trấn L uống trà sữa. Khoảng 19 giờ 30 cùng ngày P chở T đến quán “Sân Vườn” do Nguyễn Thị Kim P1 làm chủ ngụ ấp A, xã Đ, huyện L. Sau đó, cả hai cùng vào một cái tum cột làm bằng gỗ, mái lợp tôn, vách bằng tôn và tấm nhựa màu xanh, bên trong có giăng sẵn một cái võng, một cái bàn và hai cái ghế. Sau khi kê nước uống cả hai cùng lên nằm chung võng nói chuyện khoảng 5 phút thì P hôn mặt T và hỏi T cho quan hệ tình dục. Thấy T không có phản ứng nên P ngồi dậy cởi nút quần sọt jean màu trắng bông màu đen của T xuống đến đầu gối, P tự cởi quần thể thao màu xanh đen của mình xuống đầu gối dùng tay phải cầm dương vật đưa vào âm hộ thực hiện hành vi giao cấu khoảng 2 phút thì xuất tinh bên ngoài âm hộ. Cả hai tự kéo quần lên và tiếp tục nằm trên võng nói chuyện, lúc này ông Nguyễn Thành L là cha ruột của P gọi điện thoại kêu P về nên P điều khiển xe mô tô chở T về nhà và P chạy xe về nhà của mình.

Lần thứ 2: Khoảng 15 giờ ngày 01/5/2016, P biết T đang học thêm ở trường nên nhắn tin rủ T đi chơi, T đồng ý. P chở T đi uống trà sữa sau đó chở T đến quán “Sân Vườn” vào một cái tum khác có đặc điểm giống như tum đã vào ngày 30/4. Tại đây P đã thực hiện hành vi giao cấu với T một lần tư thế giống như lần thứ nhất rồi cả hai đi về nhà.

Lần thứ 3: Khoảng 11 giờ ngày 02/5/2016, P chở T đến quán “Sơ Ri” ngụ cùng địa phương uống nước. Tại đây P tặng T con búp bê nhồi bông hình Đôrêmon và hộp son nhiều màu, sau đó P tiếp tục chở T trở lại quán “Sân Vườn” vào tum đã vào ngày 01/5/2016. Tại đây P thực hiện việc giao cầu với T một lần tư thế giống như hai lần trước.

Lần thứ 4 đến lần thứ 8: Sau tết dương lịch 2017, T bị mẹ ruột là Kiều Thị Đ đánh đòn nên gọi điện thoại rủ P cùng đi đến chỗ chị ruột là Kiều Thị Mai P2 đang đi làm thuê và ở tại nhà trọ của D ngụ ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, lúc P2 đi làm không có ở phòng trọ P đã 05 lần thực hiện hành vi giao cầu với T. Sau 04 ngày ở đây Kiều Thị Đ đến rước T về nhà.

Lần thứ 9: Sau khi dự lễ bế giảng năm học 2016-2017, P rủ T đi đến quán “Sân Vườn” rồi thực hiện giao cầu một lần trong tum như các lần trước.

Lần thứ 10 đến lần thứ 12: trong khoảng từ tháng 5 đến tháng 7/2017 không rõ ngày, P nhiều lần đến nhà T chơi, lợi dụng lúc Kiều Thị Đ không có ở nhà P đã thực hiện 03 lần giao cầu với T khi ngủ đêm lại nhà của T.

Lần thứ 13: Ngày 15/7/2017, P thực hiện giao cầu với T tại quán “Sân Vườn” như các lần trước đã thực hiện tại đây.

Lần thứ 14: Ngày 25/7/2017, T điện thoại rủ P đi thành phố Hồ Chí Minh chơi thì P đồng ý. Sáng ngày 26/7/2017, T dùng dao cạy tủ lấy của Kiều Thị Đ một chiếc lắc trọng lượng 05 chỉ vàng 24k và một nhẫn cưới vàng 18k rồi điện thoại kêu P đến rước. P nhờ người bạn tên Phan Trung T3 chở P và T đến bến phà Vàm Cống rồi chạy xe về nhà cho P. P và T đi đến tiệm vàng không rõ tên ở huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ bán chiếc lắc được 15.000.000đ, cả hai đi đến Vincom Long Xuyên ăn sáng rồi lên xe đi đến khách sạn Q ngụ số 1xx đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận B, thành phố Hồ chí Minh do Lê Minh K cùng vợ là Trần Tôn Nữ Minh T4 làm chủ. Tại đây, P đã thực hiện giao cầu với T 01 lần.

Lần thứ 15 đến lần thứ 18: Chiều ngày 27/7/2017, P và T đi đến chỗ chị ruột P là Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1997 đang thuê nhà trọ của bà Nguyễn Thị H ngụ M1xx khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. P và T ở lại đây 03 ngày, lợi dụng lúc chị của P đi làm không có ở phòng trọ P thực hiện giao cầu với T 04 lần.

Lần thứ 19 đến lần thứ 21: Ngày 30/7/2017, P và T đi đến chỗ Võ Thị B là dì ruột của P đang ở trọ tại D6, khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, lợi dụng lúc mọi người đi làm thuê không có ở nhà P đã giao cấu với T 03 lần.

Ngày 04/8/2017, Kiều Thị Đ đến đón T về nhà và làm đơn tố giác Nguyễn Hoàng P có hành vi giao cấu với Kiều Thị Ngọc T khi T chưa đủ 13 tuổi với Cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 65/TD-TTPY ngày 04/8/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận đối với Kiều Thị Ngọc T: Âm hộ không tổn thương, màng trinh dẫn rộng, rách sâu thành âm đạo vị trí 03 giờ, 07 giờ, bờ tù không chảy máu.

Trong quá trình điều tra Kiều Thị Đ là mẹ ruột của Kiều Thị Ngọc T là người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu xử lý hình sự Nguyễn Hoàng P theo quy định của pháp luật và bồi thường về tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật. Nguyễn Thành L là cha ruột của Nguyễn Hoàng P đến gia đình bà Kiều Thị Đ bồi thường số tiền 25.000.000đ, số tiền này đã trên mức tối đa quy định tại khoản 2 Điều 592 Bộ luật dân sự 2015.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Hoàng P thừa nhận đã thực hiện 21 lần giao cấu với bị hại Kiều Thị Ngọc T. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả giám định pháp y về tình dục, lời khai các nhân chứng và các chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra.

Cáo trạng số 09/CT – VKS ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng P về tội: “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” theo điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng P phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 142, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng P từ 05 năm đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 08/3/2018.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại và đại diện bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xử lý.

* Ý kiến của Luật sư Huỳnh Hoa Thanh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P cho rằng: Qua kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” và bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng kính mong Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, nguyên nhân phạm tội của bị cáo như: Khi phạm tội bị cáo khi đang ở độ tuổi dưới 16 tuổi, do tuổi còn trẻ nên mới suy nghĩ nông cạn và thực hiện hành vi phạm tội; Do hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo khó khăn và cha, mẹ thì lo đi làm ăn nên không phát hiện được hành vi quan hệ tình dục giữa bị cáo P và bị hại T, ở nhà trường thì cũng chưa quan tâm đúng mức đối với bị cáo để phát hiện sự bất thường trong quan hệ tình cảm giữa bị cáo và bị hại để sớm có biện pháp can ngăn. Sau khi sự việc xảy ra thì bà Đ làm đơn tố cáo bị cáo P thì bị cáo cũng thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ông L là cha ruột bị cáo cũng khắc phục 25.000.000đ bồi thường cho phía gia đình bị hại.

Từ những phân tích trên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ đến mức thấp nhất cho bị cáo P để bị cáo sớm có thời gian trở về gia đình tái hòa nhập cộng đồng.

* Ý kiến của bị cáo Nguyễn Hoàng P và người đại diện hợp pháp bị cáo P là ông Nguyễn Thành L và bà Võ Thị Kim A: Thống nhất ý kiến bào chữa của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Trong phần tranh luận bị cáo Nguyễn Hoàng P không có ý kiến tranh luận hay đối đáp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình làm công dân tốt, có ích cho xã hội, vì trong lúc tạm giam bị cáo đã vô cùng ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình.

* Ý kiến Trợ giúp viên Bà Trần Hồng Trinh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Kiều Thị Ngọc T: Thống nhất nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo P, thống nhất với cách luận tội và các tình tiết giảm nhẹ của Kiểm sát viên đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Về trách nhiệm hình sự phía bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự thì bị cáo và gia đình bị cáo đã thỏa thuận xong với phía bị hại, nên không đặt ra xem xét.

* Ý kiến của bị hại Kiều Thị Ngọc T và người đại diện hợp pháp bị hại bà Kiều Thị Đ thống nhất với ý kiến Trợ giúp viên pháp lý bà Trần Hồng Trinh không bổ sung gì thêm và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 02/3/2001 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Thể hiện, từ ngày 30/4/2016 đến ngày 30/7/2017, lợi dụng sự ngây thơ và thiếu hiểu biết của Kiều Thị Ngọc T, sinh ngày 10/12/2004 bị cáo đã 21 lần thực hiện hành vi giao cấu với T khi T chưa đủ 13 tuổi.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo P phù hợp với lời khai của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm và phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo P là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Kiều Thị Ngọc T, sinh ngày 10/12/2004, trong khi T còn đang ở độ tuổi trẻ em (trên 11 tuổi, chưa đủ 13 tuổi), khả năng nhận thức kém, hành vi giao cấu với T của bị cáo đã gây tổn hại đến sự phát triển tâm sinh lý, đạo đức, nhân cách và ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của T cả hiện tại và sau này, ngoài ra cũng ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây xôn xao trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này bị cáo P phải nhận thức được T trong độ tuổi trẻ em cần được bảo vệ, nhưng bị cáo đã lợi dụng sự ngây thơ, sự hạn chế về nhận thức, kinh nghiệm sống của T để tìm cách được giao cấu với T. Rõ ràng bị cáo hiểu được hành vi của mình khi giao cấu với T sẽ bị dư luận xã hội lên án, pháp luật ngăn cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhiều lần (21 lần) nhằm thỏa mãn nhu cầu dục vọng của bản thân.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo P được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2018). So với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm, hình phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (viết tắt là Bộ

luật hình sự năm 1999) là nặng hơn do mức cao nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 2015 là 20 năm tù, còn mức cao nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự năm 1999 là tử hình, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp được xem xét tình tiết có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy cần áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo P đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 142 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Điều 142 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“Khoản 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a)

b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.

Khoản 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a)

đ) Phạm tội 02 lần trở lên;”

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo P cần thiết phải đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật và áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng phòng ngừa chung trong toàn xã hội, nhằm giữ gìn trật tự, kỷ cương, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, bảo vệ sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của trẻ em. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo như: về tình tiết tăng nặng là không có; về tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng cho bị cáo như đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại, tại phiên tòa bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo còn ở độ tuổi vị thành niên nhận

thức pháp luật còn hạn chế, trong 21 lần bị cáo thực hiện hành vi giao cấu với T, trong đó có 09 lần (từ lần 01 đến lần thứ 09) bị cáo thực hiện lúc bị cáo đã đủ 14 tuổi nhưng dưới 16 tuổi, còn lại 12 lần (từ lần thứ 10 đến lần thứ 21) thì bị cáo thực hiện lúc bị cáo đã đủ 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi. Nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra xét thấy cần thiết quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại không yêu cầu bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo phải bồi thường gì thêm về thiệt hại cho bị hại và không yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng: Không có, nên không đặt ra xử lý.

[8] Đối với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, chứng cứ theo hồ sơ vụ án và tình tiết khách quan của vụ án, nên được xem xét giải quyết trong vụ án này.

[9] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng P và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Kiều Thị Ngọc T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[10] Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các quyết định tố tụng và hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự và không có vi phạm gì bị khiếu nại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Trong vụ án này cũng cần phản ánh vai trò, trách nhiệm của gia đình bị cáo và bị hại trong việc thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục và định hướng cho bị cáo, bị hại khi phát hiện bị cáo có những biểu hiện tiêu cực, vi phạm pháp luật.

[12] Bị cáo Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, đại diện hợp pháp bị cáo, bị hại và đại diện hợp pháp bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 142; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng P phạm tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng P 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 08/3/2018.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Bị cáo Nguyễn Hoàng P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh ĐT;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh ĐT;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh ĐT;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV – THA TA tỉnh ĐT;
- Phòng nghiệp vụ hồ sơ CA tỉnh ĐT;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp bị hại;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (Nghĩa).

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi